

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2020/HS-ST

Ngày: 26 - 09 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Minh Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Bắc**

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Lệ Quyên** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Mạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 170/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 06 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2020/QĐXXST-HS ngày 12/8/2020 đối với các bị cáo:

1. ĐỖ NGỌC H – sinh năm: 1993; HKTT và chỗ ở: Tổ D, phường T, quận Long Biên, TP Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông Đỗ Văn Đ và bà Mai Thị Kim D; Vợ: Lê Thị Thu H1; TATS: Theo danh chỉ bản số 121 ngày 06/01/2020 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị tạm giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 08/01/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. NGUYỄN MẠNH H2 – sinh năm: 1989; HKTT và chỗ ở: Thôn Y, Xã Y, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn Tỉnh (Đã chết) và bà Lưu Thị M; Vợ: Bùi Thị N; Có 01 con SN 2017; TATS: Theo danh chỉ bản số 122 ngày 06/01/2020 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị tạm giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 08/01/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Trung V - SN: 1976;

HKTT: Thôn T, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

- Chị Nguyễn Thị N - SN: 1977

HKTT: Tổ C, phường G, Long Biên, Hà Nội.

(Anh V , chị N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Ngọc H (SN: 1993; HKTT: Tổ 19, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội) và Nguyễn Mạnh H2 (SN: 1989; HKTT: Thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội) là 02 đối tượng lao động tự do, cùng cho người khác vay tiền và nhận cầm cố tài sản lấy lãi tại địa bàn quận Long Biên, tuy nhiên H và H2 chỉ cho vay tự phát không mở cửa hàng và không đăng ký kinh doanh. Do có nhu cầu cần gấp số lượng tiền lớn để phục vụ công việc kinh doanh của cá nhân, anh Nguyễn Trung V (SN: 1976; HKTT: Thôn Tuỳ Hối, xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình) cùng em là Nguyễn Thị N (SN: 1977; HKTT: Tổ 13, phường Giang Biên, Long Biên, Hà Nội) hỏi vay anh Đỗ Ngọc H số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì được anh H đồng ý. Ngày 30/5/2019, anh V cùng chị N đi đến nhà H . Tại nhà H , chị N và anh V thoả thuận với H vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000VNĐ/1triệu /1ngày, thanh toán theo kỳ và thống nhất 10 ngày là 1 kỳ. Chị N cùng với anh H viết 01 giấy vay tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó H yêu cầu anh V viết 01 giấy đặt cọc tiền với nội dung bán lại chiếc xe ô tô Honda nhãn hiệu CRV BKS 35H - 0919 cho anh H với giá 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Sau khi đã hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của H thì H tự cắt lại 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi của 20 ngày và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền công H giúp V vay tiền và tiền trả cho bãi gửi xe ô tô anh V để lại nên sau đó H chuyển lại cho anh V số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Đến cuối tháng 5/2019 anh V , chị N tiếp tục có nhu cầu vay thêm H số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) thì H đồng ý và anh V cùng chị N tiếp tục đến nhà H vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và H tiếp tục yêu cầu chị N cùng anh V viết giấy vay số tiền 800.000.000đ và viết giấy bán 01 chiếc máy xúc và 01 chiếc xe lu với số tiền 800.000.000đ và cùng thoả thuận lãi suất của số tiền vay trên là 2.500VNĐ/1 triệu/ 1 ngày, thanh toán theo kỳ, 10 ngày là 1 kỳ. Sau khi thoả thuận xong thì H tự cắt lại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền lãi của 15 ngày và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền công H cho anh V vay và tiền thuê bãi gửi máy ủi, xe lu sau đó H chuyển số tiền 760.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) cho anh V . Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019 thì chị N và anh V đã thanh toán cho H và H2 317.500.000đ (Ba trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) còn tiền gốc chưa thanh toán được. Đến cuối tháng 12/2019, H liên tục đòi anh V , chị N thanh toán tiền gốc và lãi cho H , nhưng do số tiền lớn anh V và chị N chưa chuẩn bị kịp nên chưa thực hiện được yêu cầu của H , sau đó H nói với anh V là đã bán chiếc xe lu và xe ủi đồng thời tiếp tục yêu cầu anh V phải trả thêm tiền lãi cho H đến thời điểm hiện tại. Do thấy số tiền H yêu cầu không hợp lý nên anh V , chị N đã trình báo Công an quận Long Biên sự việc trên. Ngày 02/01/2020, khi anh V , chị N đang thanh toán số tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền lãi của khoản

vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) thì Công an quận Long Biên phát hiện mời các bên liên quan về trụ sở để làm rõ sự việc. Tại Cơ quan điều tra anh V và chị N khai báo toàn bộ nội dung như trên. Cùng ngày thì Nguyễn Mạnh H2 cũng đến Công an quận Long Biên để đầu thú về hành vi của mình.

Tại cơ quan Công an: Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Về nguồn gốc số tiền cho anh V và chị N vay, là tiền H cùng với H2 cho vay. Khoản vay 250.000.000đ, H góp số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) còn H2 góp 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), việc ăn chia số lãi trên H cùng H2 thoả thuận chia nhau 50/50 và H2 quản lý chiếc xe ô tô Honda nhãn hiệu CRV BKS 35H – 0919. Đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) H khai nhận đã sử dụng vào việc trả tiền thuê bãi gửi xe hết. Chị N đã thanh toán cho H số tiền lãi của khoản vay này cho H là 13 kỳ tương đương với số tiền 97.500.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), toàn bộ số tiền lãi nhận được thì H đã đều chia cho H2 1 nửa số tiền nhận được trực tiếp bằng tiền mặt 48.750.000đ đồng. Khoản vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), H tham gia góp 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) còn H2 góp 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), H là người quản lý 01 chiếc xe lu cùng 01 chiếc máy ủi, về tiền lãi H sẽ được nhận 75% số tiền lãi còn H2 sẽ được nhận 25% số tiền lãi. Chị N đã thanh toán cho H 11 kỳ vay của khoản vay này và số tiền 50.000.000 đồng ngày 02/1/2020 vừa giao cho H cùng khoản tiền 250.000.000 đồng tiền gốc thì bị cơ quan Công an thu giữ, tổng số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) H đã chia cho H2 số tiền lãi là 55.000.000đ (Năm mươi năm triệu đồng) bằng tiền mặt. Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cắt khi cho vay, H khai nhận đã sử dụng vào việc thuê bến bãi và vận chuyển như đã thoả thuận với anh V, chị N. Ngoài ra đối với 01 xe lu và 01 máy ủi, Nguyễn N H khai nhận do anh V, chị N chậm đóng lãi, không thực hiện đúng nội dung thoả thuận nên đã bán cho một người không quen biết với giá 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) H và H2 cũng khai nhận đã tiêu sài vào mục đích cá nhân hết số tiền trên. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên không thu giữ được số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) cùng 01 chiếc xe lu và 01 máy ủi trên.

Căn cứ vào số tiền vay, số ngày vay, số tiền lãi phải trả và lãi suất theo quy định Điều 486 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20% tương đương 0,056%/ngày, đã xác định được số tiền lãi hợp pháp và số tiền thu lời bất hợp pháp mà Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 thu được của anh Nguyễn Trung V, chị Nguyễn Thị N như sau:

- Đối khoản vay 250 triệu đồng:

Ngày 30/5/2019, Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 cho anh Nguyễn Trung V cùng chị Nguyễn Thị N vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất thoả thuận là 3.000VNĐ/1triệu/1ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Anh V và chị N đã thanh toán cho H và H2 130 ngày tương đương với số tiền lãi là 97.500.000đ.

Căn cứ cách tính % lãi suất theo quy định của thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Lãi suất cho vay cụ thể như sau:

Với lãi suất 3.000VNĐ/1triệu/01ngày của khoản vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì lãi suất của khoản vay này sẽ là: $(3.000\text{VNĐ} \times 365 \times 100\%) / 1.000.000\text{đ} = 109,5\%$. *Như vậy với lãi suất này thì đã vượt quá 05 lần so với mức lãi quy định cao nhất trong Bộ luật dân sự quy định là 20% .* Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 1,67%/tháng, 0,056%/ngày tương đương không vượt quá 560VNĐ/triệu/ngày. Đối với khoản vay này thì tiền lãi hợp pháp mà H2 và H được hưởng tối đa 1 ngày là 140.000đ. Thực tế Chị N và anh V chỉ đã thanh toán số tiền lãi cho H đến ngày 07/10/2019 nên để xác định số tiền thu lợi bất chính của H và H2 sẽ tính thời điểm vay đến ngày 07/10/2019 là 130 ngày. Nên số tiền mà H với H2 được hưởng tối đa trong trường hợp này là $140.000\text{đ} \times 130 = 18.200.000\text{đ}$ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền lãi thực tế H và H2 đã nhận là 97.500.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), thì Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 đã hưởng lợi bất chính số tiền $97.500.000\text{đ} - 18.200.000\text{đ} = 79.300.000$ (Bảy mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng). Quá trình cho anh V chị N vay khoản tiền 250.000.000đ H có yêu cầu anh V, chị N phải thanh toán cho H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền dịch vụ và tiền thuê bến bãi cho tài sản cầm cố là chiếc xe ô tô Honda CRV BKS 35H – 0919 nhưng không cung cấp được hoá đơn chứng từ chứng minh, bản thân H khai nhận một mình sử dụng số tiền này nên H còn thu lợi bất chính số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) từ việc cho vay trên. Với việc thỏa thuận chia 50% tiền lãi thì H2 đã nhận được 39.650.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) còn H đã nhận được số tiền 44.650.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay khoản vay trên.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 30/5/2019 đến 07/10/2019 Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 đã cho anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 109,5% năm và thu lợi bất chính số tiền 84.300.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội phạm “cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo quy định Điều 201 Bộ luật hình sự.

Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội 01 tờ giấy vay tiền và 01 tờ giấy biên nhận bán xe thu giữ được trong quá trình điều tra. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự xác định chữ viết, chữ ký trong 02 tờ giấy trên là của anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N.

- Đối với khoản vay 800 triệu đồng:

Ngày 28/6/2019, H cùng H2 tiếp tục cho anh V và chị N vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) với lãi suất 2.500VNĐ/1triệu/1ngày, thời điểm tính lãi tính từ ngày vay. Cùng với cách tính lãi như trên thì lãi suất của khoản vay này là 91,3%/năm. Trong khoản vay này, với lãi suất như trên thì chưa

vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự, do vậy chưa đủ yếu tố cấu thành hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại điều 201 Bộ luật hình sự nếu các bên không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự riêng. Tuy nhiên, hành vi của H2 và H “*Cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay*” vi phạm Quy định tại điểm d, khoản 3, điều 11 Nghị định 167/NĐ- CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Bản thân Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 cho vay tiền, cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép kinh doanh và không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự. Do vậy, H và H2 đã có hành vi “*Hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về an ninh trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự*” vi phạm quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với những vi phạm trên do mức xử phạt trên 10.000.000đ nên Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã có Công văn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Long Biên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi trên của H và H2 với mức xử phạt là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 173/CT-VKS ngày 05 - 06 -2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Đỗ Ngọc H , Nguyễn Mạnh H2 về tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo Đỗ Ngọc H , Nguyễn Mạnh H2 đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Hành vi của các bị cáo vi phạm vào khoản 1 Điều 201 của BLHS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS 2015.

Về hình phạt:

- Đề nghị xử phạt bị cáo H từ **16** đến **18** tháng cải tạo không giam giữ.
- Đề nghị xử phạt bị cáo H2 từ **14** đến **16** tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung:

- Đề nghị phạt bị cáo H từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.
- Đề nghị phạt bị cáo H2 từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS 2015.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 250.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng số Imei: 352061066372950 thu giữ

của H , 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei: 359281064956322 thu giữ của H2 .

- Đề nghị cho thi hành trả lại cho anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng

- Đề nghị buộc bị cáo H phải truy nộp số tiền 44.650.000 đồng, bị cáo H2 phải truy nộp số tiền 39.650.000 đồng.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật-tài liệu, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/5/2019, các bị cáo Đỗ Ngọc H và Nguyễn Mạnh H2 đã có hành vi cho anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 109,5% năm (cao hơn gấp 5.5 lần lãi suất tối đa được hưởng) và hưởng lợi bất chính số tiền 84.300.000 (Tám mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó H hưởng lợi số tiền 44.650.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) còn H2 hưởng lợi số tiền 39.650.000đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo Đỗ Ngọc H , Nguyễn Mạnh H2 đã cấu thành tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp

luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng các bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, cần có mức án tương xứng đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Nhân thân của các bị cáo H , H2 đều chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, các bị phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo H2 có đơn xin đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đáng ra phải có hình phạt nghiêm khắc với các bị cáo mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội theo Điều 36 BLHS cũng đủ điều kiện giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Xét hành vi các bị cáo gây ra thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[7] – Cho tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 250.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng số Imei: 352061066372950 thu giữ của H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei: 359281064956322 thu giữ của bị cáo H2 là tang vật của vụ án.

- Cho thi hành trả lại cho anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng do anh V , chị N là chủ sở hữu hợp pháp.

- Buộc bị cáo H phải truy nộp số tiền 44.650.000 đồng, bị cáo H2 phải truy nộp số tiền 39.650.000 đồng là tiền các bị cáo thu lời bất chính.

- Về việc bồi thường dân sự:

[8] Đối với khoản vay 250 triệu đồng quá trình điều tra H với H2 đã trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV BKS 35H – 0919 cho anh V và chị N , với khoản vay 250.000.000đ chị N và anh V không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

- Đối với khoản vay 800 triệu đồng chị N , anh V vay của H và H2 ngày 28/6/2019, hai bên đã có văn bản thỏa thuận ngày 02/06/2020 tại cơ quan điều tra nội dung: H và H2 trả lại cho anh V , chị N 01 máy Lu rung và 01 máy ủi bánh xích, đồng thời anh V và chị N sẽ trả cho H2 và H 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy đây là vụ việc mang tính chất thỏa thuận dân sự do khi giao tài sản và cho vay cả 2 bên đều thuận tình đồng thời tự nguyện giao tài sản với nhau. Nếu không tự thỏa thuận được với nhau chị N , anh V sẽ khởi kiện ra toà án để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nên HĐXX không xem xét.

- Đối với chị Nguyễn Thanh Trang là bạn bè của Đỗ Ngọc H , có cho H vay số tiền 300.000.000 đồng để H cho anh V , chị N vay (trong khoản vay 800.000.000 đồng) nhưng Trang không biết mục đích H vay tiền của mình để cho vay nặng lãi, Trang cũng không được hưởng lợi gì từ việc cho vay của H . Ngoài ra, 03 lần được H nhờ nhận tiền qua tài khoản do bạn H trả vì H mất thẻ ATM nhưng Trang không biết đây là số tiền thu lời bất chính từ việc cho vay nặng lãi của H nên cơ quan CSĐT không xử lý là phù hợp.

Đại diện VKSND quận Long Biên đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, xử lý vật chứng và bồi thường dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về án phí:

[9] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[10] Các bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc H , Nguyễn Mạnh H2 phạm tội: Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Đỗ Ngọc H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 08/01/2020 được quy đổi thành 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 14(Mười bốn) tháng 09 (chín) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày giao quyết định Thi hành án và Bản sao bản án cho Ủy ban nhân dân phường Thượng Thanh – quận Long Biên – Hà Nội.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Thượng Thanh – quận Long Biên – Hà Nội. giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Nguyễn Mạnh H2 13 (Mười ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 08/01/2020 được quy đổi thành 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 12(Mười bốn) tháng 09 (chín) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày giao quyết định Thi hành án và Bản sao bản án cho Ủy ban nhân dân xã Yên Thương – Huyện Gia Lâm – Hà Nội.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh H2 cho Ủy ban nhân dân xã Yên Thương – Huyện Gia Lâm – Hà Nội. giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung:

- Phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H2 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Cho tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng số Imei: 352061066372950 thu giữ của H , 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei: 359281064956322 thu giữ của H2 ,

- Cho thi hành trả lại cho anh Nguyễn Trung V và chị Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

(Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/6/2020 và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 09/6/2020)

- Buộc bị cáo H phải truy nộp số tiền 44.650.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo H2 phải truy nộp số tiền 39.650.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án./

Nơi nhận

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA. DS quận Long Biên;
- Cơ quan THA.HS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Nam